TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Hồ Thị Hoa
Bà Trương Thị Như Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn N_NĐ, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp XN A, xã TT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *(có mặt)*.

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị D_BĐ, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp XN A, xã TT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/12/2017, các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn N_NĐ trình bày và yêu cầu như sau:

Anh và chị D_BĐ cưới nhau năm 2004, sau khi cưới anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện An Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đến ngày 20/10/2016 chị D_BĐ đã bỏ nhà đi để chung sống với người đàn ông khác, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nứt, tuy bản thân anh muốn duy trì hôn nhân để lo cho con nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vì vậy vợ chồng đã ly thân từ ngày 20/10/2016 cho đến nay.

Vợ chồng có một đứa con chung tên Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 03/8/2005 hiện đang anh đang nuôi dưỡng.

Nay anh N_NĐ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị D_BĐ; yêu cầu được nuôi dưỡng con Nguyễn Vĩ K sau khi ly hôn, không yêu cầu chị D_BĐ cấp dưỡng nuôi con cùng anh; về tài sản và nợ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D_BĐ không có lời trình bày.

Kiểm sát viêntham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX cho anh N_NĐ ly hôn với chị D_BĐ; về con giao cho anh N_NĐ trực tiếp nuôi dưỡng, chị D_BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N_NĐ không yêu cầu; về tài sản và nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị D_BĐ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng chị D_BĐ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D_BĐ.

[2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị D_BĐ không có ý kiến phản đối và cũng không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh N_NĐ và chị D_BĐ cưới nhau năm 2004 có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được Uỷ ban nhân dân xã TT, huyện An Minh, Kiên Giang (là nơi một trong hai người cư trú lúc đó) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/10/2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh N_NĐ với chị D_BĐ thấy rằng, trong quá trình chung sống anh N_NĐ và chị D_BĐ phát sinh mâu thuẩn và ly thân nhau vào tháng ngày 20/10/2016 cho đến nay. Qua xác minh tại nơi cư trú cho thấy mâu thuẩn của anh, chị không lớn. Tuy nhiên, thấy rằng anh, chị đã ly thân trong một thời gian dài nhưng các bên vẫn không hàn gắn được; khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của anh N_NĐ thì chị D_BĐ không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì chị D_BĐ vắng mặt không tham dự. Việc chị D_BĐ không có ý kiến khi nguyên đơn xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Từ đó cho thấy giữa anh N_NĐ với chị D_BĐ mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh N_NĐ được ly hôn với chị D_BĐ.

[5] Về quan hệ nuôi con chung: Anh N_NĐ và chị D_BĐ có 01 đứa con chung tên Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 03/8/2005, hiện nay anh N_NĐ đang nuôi dưỡng. Anh N_NĐ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, không yêu cầu chị D_BĐ cấp dưỡng nuôi con cùng anh; chị D_BĐ không thể hiện ý kiến hay phản đối gì đối với yêu cầu của anh N_NĐ; đồng thời Nguyễn Vĩ K cũng thể hiện nguyện vọng mong muốn được tiếp tục sống với anh N_NĐ sau khi anh N_NĐ và chị D_BĐ ly hôn. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh N_NĐ nêu ra về việc giao cho anh N_NĐ được tiếp tục nuôi dưỡng con là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung: Anh N_NĐ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét đến.

[7] Về nợ chung: Anh N_NĐ xác định, vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét đến.

[8] Về án phí: Anh N_NĐ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000đ tiền án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N_NĐ và chị Huỳnh Thị D_BĐ.

2- Về nuôi con chung*:* Giao cháu Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 03/8/2005 cho anh Nguyễn Văn N_NĐ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Thị D_BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3- Về tài sản và nợ: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

4- Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn N_NĐ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0008562 ngày 11/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, anh N_NĐ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5- Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn anh Nguyễn Văn N_NĐ, vắng mặt bị đơn chị Huỳnh Thị D_BĐ. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20-6-2018); bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công

Lê Chí Công